

Số: 67/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về đối tượng, thời gian công tác được tính hưởng chế độ; chế độ trợ cấp hằng tháng, chế độ trợ cấp một lần; hồ sơ, trình tự thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết gọn là cán bộ, chiến sĩ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cán bộ, chiến sĩ thuộc các trường hợp quy định tại Điều 2 và khoản 1 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg);

b) Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố (sau đây viết gọn là Công an đơn vị, địa phương);

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ theo quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Các trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg;

b) Cán bộ, chiến sĩ vi phạm kỷ luật bị buộc thôi việc, sa thải, thải hồi, loại ngũ, đào nhiệm, đào ngũ, tước danh hiệu, tước cấp bậc hàm;

c) Công nhân công an (công nhân viên công an).

Điều 3. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ

1. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ gồm: thời gian cán bộ, chiến sĩ công tác thực tế trong Công an nhân dân, tính từ khi vào Công an nhân dân đến khi thôi việc, xuất ngũ về địa phương; thời gian công tác trong Quân đội nhân dân được tính cộng theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp có thời gian công tác gián đoạn thì được cộng dồn.

2. Thời gian cán bộ, chiến sĩ công tác trong Quân đội nhân dân được cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân để tính hưởng chế độ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Cán bộ, chiến sĩ nếu chưa được thực hiện chế độ quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg) thì thời gian công tác trong Quân đội nhân dân được cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân để thực hiện các chế độ quy định tại Thông tư này;

b) Thời gian công tác trong Quân đội nhân dân đã được thực hiện chế độ quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg thì không được cộng thời gian công tác trong Quân đội nhân dân với thời gian công tác trong Công an nhân dân để tính hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có nguyện vọng cộng thời gian công tác trong Quân đội nhân dân với thời gian công tác trong Công an nhân dân để đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thì phải nộp lại khoản trợ cấp một lần đã nhận theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg cho Công an tỉnh, thành phố (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh) nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg thì được cộng thời gian công tác trong Công an nhân dân với thời gian công tác trong Quân đội nhân dân vào thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng để điều chỉnh mức trợ cấp đang hưởng.

3. Cán bộ, chiến sĩ đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương sau đó công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà đã được tính thời gian công tác trong Công an nhân dân là thời gian có đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì không tính hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư này.

4. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần nếu có tháng lẻ dưới 6 tháng thì được tính bằng mức hưởng của 1/2 năm, từ đủ 6 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng mức hưởng của 01 năm.

Chương II

CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP VÀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Điều 4. Chế độ trợ cấp hằng tháng

1. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng:

a) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm;

b) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương sau đó công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không đủ điều kiện hoặc không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện

đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Cách tính hưởng

a) Trợ cấp hằng tháng được tính theo số năm công tác thực tế được tính hưởng chế độ; từ đủ 15 năm được trợ cấp hằng tháng mức 813.614 đồng/người/tháng, sau đó cứ thêm một năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 5%, cụ thể:

Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 813.614 đồng/người/tháng;

Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 854.295 đồng/người/tháng;

Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 894.975 đồng/người/tháng;

Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 935.656 đồng/người/tháng;

Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 976.337 đồng/người/tháng.

Ví dụ 1: Ông Trần Văn A, vào Công an nhân dân tháng 01 năm 1962, thôi việc về địa phương tháng 7 năm 1981. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Trần Văn A từ tháng 01 năm 1962 đến tháng 7 năm 1981 là 19 năm 07 tháng. Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Trần Văn A là 976.337 đồng/tháng.

Ví dụ 2: Ông Lê Văn B, vào Công an nhân dân tháng 6 năm 1971 đến tháng 11 năm 1987 chuyển ngành sang Ủy ban nhân dân huyện T; năm 1990 nghỉ theo chế độ thôi việc về địa phương. Cách tính hưởng chế độ của ông Lê Văn B như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Lê Văn B là thời gian công tác trong Công an nhân dân từ tháng 6 năm 1971 đến tháng 10 năm 1987 là 16 năm 05 tháng (thời gian ông Lê Văn B chuyển ngành sang công tác tại Ủy ban nhân dân huyện T không được tính vào thời gian công tác được tính hưởng chế độ). Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Lê Văn B là 854.295 đồng/tháng.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn C, vào Quân đội nhân dân tháng 10 năm 1970, chuyển ngành sang Công an nhân dân tháng 10 năm 1975, thôi việc về địa phương tháng 10 năm 1989. Cách tính hưởng chế độ của ông Nguyễn Văn C như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Nguyễn Văn C gồm: Thời gian công tác trong Quân đội nhân dân từ tháng 10 năm 1970 đến tháng 9 năm 1975 là 5 năm cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân từ

tháng 10 năm 1975 đến tháng 10 năm 1989 là 14 năm 01 tháng; tổng thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Nguyễn Văn C là 19 năm 01 tháng. Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Nguyễn Văn C là 976.337 đồng/tháng.

Ví dụ 4: Ông Hoàng Văn D, vào Quân đội nhân dân tháng 3 năm 1971, xuất ngũ về địa phương tháng 9 năm 1975, vào Công an nhân dân tháng 12 năm 1977, thôi việc về địa phương tháng 12 năm 1992. Cách tính hưởng chế độ của ông Hoàng Văn D như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Hoàng Văn D gồm: Thời gian công tác trong Quân đội nhân dân từ tháng 3 năm 1971 đến tháng 9 năm 1975 là 4 năm 07 tháng cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân từ tháng 12 năm 1977 đến tháng 12 năm 1992 là 15 năm 01 tháng. Tổng thời gian công tác được tính hưởng chế độ là 19 năm 08 tháng. Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Hoàng Văn D là 976.337 đồng/tháng.

b) Mức trợ cấp hằng tháng quy định tại điểm a Khoản này được điều chỉnh tương ứng với từng giai đoạn theo quy định của Chính phủ.

c) Cán bộ, chiến sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng mà từ trần thì thôi thực hiện trợ cấp từ tháng tiếp theo. Người tổ chức mai táng được hưởng trợ cấp một lần bằng 03 tháng trợ cấp hiện hưởng của người từ trần.

Trường hợp cán bộ, chiến sĩ từ trần sau ngày 15 tháng 10 năm 2010 nhưng chưa được hưởng trợ cấp hằng tháng thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp được nhận truy lĩnh chế độ trợ cấp hằng tháng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến tháng/năm cán bộ, chiến sĩ từ trần và chế độ trợ cấp tổ chức mai táng bằng 03 tháng trợ cấp hằng tháng tại thời điểm từ trần.

Ví dụ 5: Ông Đỗ Văn Đ, vào Công an nhân dân tháng 4 năm 1975, thôi việc về địa phương tháng 6 năm 1990. Ngày 25/4/2012 ông Đỗ Văn Đ từ trần. Tháng 12/2023 thân nhân của ông Đỗ Văn Đ mới hoàn thiện hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp. Cách tính hưởng chế độ của ông Đỗ Văn Đ như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Đỗ Văn Đ được tính từ tháng 4 năm 1975 đến tháng 6 năm 1990 là 15 năm 03 tháng.

Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ kể từ ngày 01/5/2010 là 813.614 đồng/tháng. Trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ từ ngày 01/5/2010 đến ngày 30/4/2011 là: $813.614 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 9.763.368 \text{ đồng}$.

Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ kể từ ngày 01/5/2011 đến tháng 4/2012 được điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ là: $813.614 \text{ đồng} \times 1,137 = 925.079 \text{ đồng}$. Trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ từ ngày 01/5/2011 đến tháng 4/2012 là: $925.079 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 11.100.948 \text{ đồng}$.

Thân nhân của ông Đỗ Văn Đ được nhận truy lĩnh khoản trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ là: 20.864.316 đồng và trợ cấp tổ chức mai táng là: $03 \text{ tháng} \times 925.079 \text{ đồng/tháng} = 2.775.237 \text{ đồng}$; tổng số tiền được nhận là 23.639.553 đồng.

Điều 5. Chế độ trợ cấp một lần

1. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này) thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng chế độ trợ cấp một lần:

- a) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ dưới 15 năm;
- b) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ dưới 15 năm; sau khi thôi việc, xuất ngũ về địa phương tiếp tục công tác ở xã, phường, thị trấn có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc tự nguyện nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- c) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ dưới 20 năm; sau khi thôi việc, xuất ngũ về địa phương tham gia công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ điều kiện hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc lương hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Cách tính hưởng

Trợ cấp một lần được tính theo số năm công tác được tính hưởng chế độ, cụ thể: Từ đủ 02 năm (24 tháng) trở xuống, mức hưởng trợ cấp một lần bằng 2.500.000 đồng; từ năm thứ 03 trở đi, cứ mỗi năm mức hưởng trợ cấp một lần được cộng thêm 800.000 đồng.

Mức trợ cấp một lần được tính theo công thức:

Mức hưởng = $2.500.000 \text{ đồng} + [(số \text{ năm công tác được tính hưởng chế độ} - 2 \text{ năm}) \times 800.000 \text{ đồng/năm}]$

Trường hợp cán bộ, chiến sĩ quy định tại khoản 1 Điều này từ trần sau ngày 15 tháng 10 năm 2010 nhưng chưa được hưởng trợ cấp một lần thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, con nuôi hoặc

người nuôi dưỡng hợp pháp của người từ trần được nhận truy lĩnh khoản trợ cấp một lần.

3. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này) từ trần trước ngày 15 tháng 10 năm 2010 thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp của người từ trần được nhận trợ cấp một lần bằng 3.600.000 đồng.

Điều 6. Hồ sơ xét hưởng chế độ

1. Hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp

a) Công văn đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp (Mẫu số 01) kèm theo danh sách đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp của Công an cấp tỉnh nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú (Mẫu số 02);

b) Bản khai cá nhân (Mẫu số 03) hoặc bản khai cá nhân dùng cho thân nhân của cán bộ, chiến sĩ (Mẫu số 04); trường hợp ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan thể hiện thời gian công tác được tính hưởng chế độ (bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan tổ chức cán bộ thuộc Công an đơn vị, địa phương nơi cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác). Các loại giấy tờ làm căn cứ để xác định thời gian công tác gồm:

Quyết định thôi việc, xuất ngũ; quyết định hoặc giấy tờ có liên quan về việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc, xuất ngũ; lý lịch cán bộ hoặc lý lịch quân nhân; lý lịch Đảng viên; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

Giấy tờ liên quan khác như: Huân chương, Huy chương kháng chiến hoặc giải phóng và các hình thức khen thưởng khác; hồ sơ hưởng chính sách người có công; quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật; giấy chuyển thương, chuyển viện; quyết định tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, phong, thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương; giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh vào các trường Công an nhân dân (hoặc các trường Quân đội nhân dân); danh sách cán bộ, bản khai, bản kê khai quá trình tham gia cách mạng phục vụ công tác xét khen thưởng của Nhà nước có xác nhận của đơn vị; các tài liệu lịch sử khác chứng minh có liên quan đến quá trình công tác của cán bộ, chiến sĩ; giấy chứng tử hoặc giấy báo tử (đối với trường hợp từ trần).

d) Trường hợp xuất ngũ, thôi việc nhưng thiếu giấy tờ, tài liệu thể hiện toàn bộ thời gian công tác được tính hưởng chế độ thì hồ sơ phải có thêm các giấy tờ sau:

- Giấy xác nhận thời gian công tác (Mẫu số 07) của Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương nơi cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác hoặc công tác trước khi thôi việc, xuất ngũ (gửi kèm các tài liệu, giấy tờ làm căn cứ xác nhận cán bộ, chiến sĩ được thôi việc, xuất ngũ). Nếu cơ quan, đơn vị sáp nhập, giải thể thì cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập, giải thể xác nhận; đồng thời có thêm xác nhận của 02 người trở lên công tác cùng thời kỳ, giai đoạn (gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu làm căn cứ xác định có thời gian công tác cùng cán bộ, chiến sĩ được xác nhận);

- Biên bản thẩm tra, xác minh (Mẫu số 08) của Công an xã, phường, đặc khu hoặc tương đương (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú;

- Biên bản xét duyệt, đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg của Công an cấp tỉnh (Mẫu số 09).

2. Hồ sơ hưởng chế độ hằng tháng chuyển đến Sở Nội vụ nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú để thực hiện chế độ, gồm:

- a) Giấy giới thiệu của Cục Tổ chức cán bộ (Mẫu số 06);
- b) Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ (Mẫu số 05A);
- c) Bản khai cá nhân (Mẫu số 03).

Điều 7. Trình tự thực hiện

1. Cán bộ, chiến sĩ hoặc thân nhân cán bộ, chiến sĩ nộp Bản khai cá nhân theo mẫu và các giấy tờ cá nhân còn lưu giữ để làm cơ sở xác định thời gian công tác được tính hưởng chế độ đến Công an cấp xã nơi thường trú.

2. Công an cấp xã

- a) Tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ hoặc thân nhân cán bộ, chiến sĩ kê khai đầy đủ đúng theo mẫu; lấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Ủy ban nhân dân cấp xã) và thẩm định hồ sơ;

- b) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đề nghị hưởng chế độ, trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm lập danh sách đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp một lần hoặc hằng tháng, hoàn thiện hồ sơ và có công văn báo

cáo đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg (kèm hồ sơ) gửi về Công an cấp tỉnh;

c) Trường hợp chưa đủ giấy tờ tài liệu thì Công an cấp xã chủ trì, chịu trách nhiệm tiến hành thẩm tra, xác minh; có xác nhận của đại diện: Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Công an, Hội đồng chính sách của xã, phường, Trưởng (thôn, xóm), Tổ trưởng tổ dân phố và cán bộ có cùng thời gian công tác với cán bộ, chiến sĩ (nếu có); lập biên bản thẩm tra, xác minh (Mẫu số 08), hoàn thiện hồ sơ, lập danh sách đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp một lần hoặc hằng tháng và có công văn báo cáo đề nghị giải quyết (hoặc không giải quyết) chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg gửi về Công an cấp tỉnh.

3. Công an cấp tỉnh

a) Tiếp nhận hồ sơ do Công an cấp xã chuyển đến;

b) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đề nghị hưởng chế độ, trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm tổ chức xét duyệt hồ sơ, lập danh sách và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ theo quy định, có công văn đề nghị (kèm theo hồ sơ) gửi về Cục Tổ chức cán bộ;

c) Trường hợp chưa đủ giấy tờ tài liệu thì Công an cấp tỉnh tiếp tục tổ chức thẩm tra, xác minh; có công văn đề nghị Công an đơn vị, địa phương (nơi cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác hoặc công tác trước khi thôi việc xuất ngũ) xác nhận thời gian công tác (Mẫu số 07). Sau khi có kết quả thẩm tra xác minh, xác định cán bộ, chiến sĩ đúng đối tượng, đủ điều kiện được hưởng chế độ theo quy định, Công an cấp tỉnh tiến hành họp, xét duyệt, lập biên bản xét duyệt đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg (Mẫu số 09); thành phần gồm: Đại diện lãnh đạo Công an cấp tỉnh, lãnh đạo cơ quan tổ chức cán bộ và cán bộ trực tiếp thẩm định, đề xuất. Trong thời gian 10 ngày, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ theo quy định, có công văn báo cáo đề nghị (kèm theo hồ sơ) gửi về Cục Tổ chức cán bộ. Trường hợp không đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp, có văn bản trả lời cho cá nhân đề nghị và nêu rõ lý do;

d) Tiếp nhận hồ sơ đã giải quyết do Cục Tổ chức cán bộ chuyển về; chuyển hồ sơ hưởng trợ cấp hằng tháng đến Sở Nội vụ để quản lý và chi trả trợ cấp hằng tháng theo quy định;

đ) Chuyển quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ và thực hiện chi trả chế độ trợ cấp một lần cho cán bộ, chiến sĩ hoặc thân nhân cán bộ, chiến sĩ.

4. Cục Tổ chức cán bộ

Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ do Công an cấp tỉnh chuyển đến. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt, ban hành quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng (Mẫu số 05A) hoặc quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu số 05B); chuyển hồ sơ đã được giải quyết về Công an cấp tỉnh (nơi đề nghị). Trường hợp không đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Kinh phí đảm bảo

1. Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng do ngân sách Trung ương đảm bảo qua Bộ Nội vụ chuyển Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố để chi trả cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp.

2. Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần do ngân sách Trung ương đảm bảo qua Bộ Công an, gồm:

a) Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Kinh phí đảm bảo cho công tác chi trả bằng 4% tổng kinh phí chi trả cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp (gồm: công tác xét duyệt, thẩm định hồ sơ; phục vụ tuyên truyền, phổ biến chính sách; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết; mua sắm, sửa chữa nhỏ, trang bị, đồ dùng văn phòng phục vụ công tác chi trả). Mức chi thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025 và thay thế Thông tư số 41/2023/TT-BCA ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

2. Chế độ trợ cấp hằng tháng quy định tại Điều 4 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và Điều 4 Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 05 năm 2010. Cán bộ, chiến sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ

cấp hằng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động thì thôi hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Cán bộ, chiến sĩ đã hưởng trợ cấp một lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân là người dân tộc ít người thuộc Quân khu 7, Quân khu 9 tham gia kháng chiến chống Mỹ, về địa phương trước ngày 10 tháng 01 năm 1982, nếu đủ điều kiện chuyển sang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg thì Công an cấp tỉnh nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Thông tư này và thông báo Sở Nội vụ thực hiện truy thu khoản trợ cấp một lần đã nhận vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Tổ chức cán bộ

a) Hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng trong và ngoài Công an nhân dân theo dõi, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg;

2. Cục Kế hoạch và tài chính

a) Hằng năm, tổng hợp, xây dựng dự toán ngân sách của Bộ Công an thực hiện chi trả chế độ trợ cấp do ngân sách Trung ương đảm bảo qua Bộ Công an theo quy định tại Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và Thông tư này, báo cáo lãnh đạo Bộ đề nghị Nhà nước đảm bảo kinh phí và tham mưu thực hiện phân bổ cấp kinh phí cho Công an các đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật;

b) Đảm bảo kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần cho Công an các đơn vị, địa phương và thanh quyết toán theo quy định.

3. Công an đơn vị, địa phương

a) Tổ chức tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm xác nhận thời gian công tác đối với cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư này;

c) Lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi trả chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

4. Sở Nội vụ

a) Tiếp nhận hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng do Công an cấp tỉnh chuyển đến; quản lý và chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng; thực hiện điều chỉnh chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ; tiếp nhận khoản trợ cấp một lần của cán bộ, chiến sĩ nộp trả theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg;

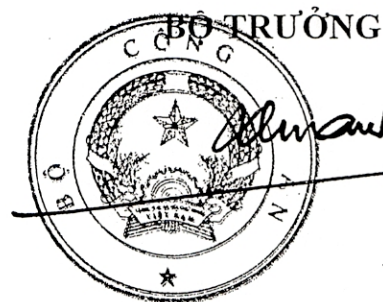
b) Chi trả chế độ trợ cấp cho thân nhân cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp hằng tháng từ trần theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

c) Lập dự toán kinh phí và chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng và tổ chức thanh toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ) để có hướng dẫn kịp thời. /*W*/

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Bộ Công an: đơn vị trực thuộc Bộ; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, V03, X01 (P7).TV (300b). /*W*/



Đại tướng Lương Tam Quang

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp
theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg

....., ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Cục Tổ chức cán bộ

Căn cứ Thông tư số 67/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

Căn cứ hồ sơ của(2) và đề nghị của Công an xã, phường, đặc khu (hoặc tương đương); Công an tỉnh (thành phố)đã tổ chức xét duyệt và đề nghị Cục Tổ chức cán bộ giải quyết hưởng chế độ (3) đối với trường hợp (có danh sách và hồ sơ kèm theo)./.

Nơi nhận:

-
-

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

- (1) Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- (2) Thông tin cán bộ, chiến sĩ
- (3) Ghi rõ chế độ trợ cấp hằng tháng hay trợ cấp một lần

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP..... (2)
Theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số ngày/...../..... của Công an)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nơi thường trú	Cấp bậc, chức vụ khi thôi việc, xuất ngũ	Đơn vị khi thôi việc, xuất ngũ	Thời gian công tác được tính hưởng chế độ	Ghi chú
		Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Tổng số: trường hợp (Có hồ sơ kèm theo)

Nơi nhận:

- X01;
- Lưu:....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(2) Ghi rõ chế độ trợ cấp hằng tháng hay trợ cấp một lần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

**Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg
 ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ**

Họ và tên:..... Giới tính:.....
 Sinh ngày:...../...../.....; số CMND (CCCD):cấp ngày:...../...../.....
 Quê quán:.....
 Nơi thường trú:.....

 Vào Công an nhân dân (hoặc Quân đội nhân dân) ngàythángnăm.....
 Xuất ngũ, thôi việc ngàythángnăm.....
 Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi xuất ngũ, thôi việc:.....

 Nghề nghiệp hiện nay:.....
 Chế độ đã được hưởng (1):.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác	Thời gian	
			Năm	Tháng

Tổng thời gian công tác thực tế (trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân)
 là:..... năm tháng

Kèm theo các giấy tờ sau (2):.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu
 trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày... tháng ... năm

Ông (Bà)

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

đang được hưởng chế độ.....

.....(3)

(1) Ghi rõ đã được hưởng chế độ: xuất ngũ, thôi việc hoặc thương binh, hưu trí, mất sức lao động...

(2) Ghi rõ các tài liệu kèm theo (nếu có): Quyết định tuyển dụng, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, quyết định xuất ngũ, thôi việc...

(3) Công an cấp xã thực hiện thẩm tra, xác minh. Nội dung ghi rõ (Ông hoặc Bà
 đang được hưởng chế độ trợ cấp gì ở địa phương.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

**Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg
ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ**
(dùng cho thân nhân của cán bộ, chiến sĩ)

1. Phần khai về thân nhân của cán bộ, chiến sĩ

Họ và tên:.....
Sinh ngày:...../...../.....; số CMND (CCCD):cấp ngày:...../...../.....
Quê quán:.....
Nơi thường trú:.....
.....
Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:

2. Phần khai về cán bộ, chiến sĩ

Họ và tên:..... Sinh ngày:...../...../.....
Vào Công an nhân dân (hoặc Quân đội nhân dân) ngàythángnăm.....
Xuất ngũ, thôi việc ngàythángnăm.....
Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi xuất ngũ, thôi việc:
.....
Chế độ đã được hưởng (1)
Từ trần ngày/...../.....
Các giấy tờ còn lưu giữ gồm (2)
-
-

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày... tháng ... năm

Ông (Bà)
đang được hưởng chế độ.....
.....(3)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI

- (1) Ghi rõ đã được hưởng chế độ: xuất ngũ, thôi việc hoặc thương binh.
(2) Ghi rõ các tài liệu kèm theo (nếu có): Quyết định tuyển dụng, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, quyết định xuất ngũ, thôi việc....
(3) Công an cấp xã thực hiện thẩm tra, xác minh. Nội dung ghi rõ (Ông hoặc Bàđang được hưởng chế độ trợ cấp gì ở địa phương.....); trường hợp ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

BỘ CÔNG AN
CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /QĐ-X01

Hà Nội, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

CỤC TRƯỞNG CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ

Căn cứ Thông tư số 31/2024/TT-BCA ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Tổ chức cán bộ;

Căn cứ Thông tư số 67/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

Theo đề nghị của Công an tỉnh/thành phố.....tại Công văn số..... ngày tháng.....năm và Trưởng phòng Phòng Chính sách, Cục Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà)..... Sinh năm:.....

Nơi thường trú:.....

Vào Công an nhân dân/ Quân đội nhân dân: ngày.....tháng..... năm.....

Xuất ngũ, thôi việc: ngày.....tháng.... năm.....

Cấp bậc, chức vụ khi thôi việc, xuất ngũ:.....

Đơn vị khi thôi việc, xuất ngũ:.....

Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ là: năm..... tháng.

Điều 2. Ông (bà)..... được hưởng mức trợ cấp hằng tháng như sau:

1. Mức hưởng từ ngày 01/5/2010 đến ngày 30/4/2011 (theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

2. Mức hưởng từ ngày 01/5/2011 đến ngày 30/4/2012 (được điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

3. Mức hưởng từ ngày 01/5/2012 đến ngày 30/6/2013 (được điều chỉnh theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

4. Mức hưởng từ ngày 01/7/2013 đến ngày 31/12/2014 (được điều chỉnh theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

5. Mức hưởng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 (được điều chỉnh theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

6. Mức hưởng từ ngày 01/1/2016 đến ngày 30/6/2017 (được điều chỉnh theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

7. Mức hưởng từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018 (được điều chỉnh theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

8. Mức hưởng từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/6/2019 (được điều chỉnh theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

9. Mức hưởng từ ngày 01/7/2019 đến 31/12/2021 (được điều chỉnh theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

10. Mức hưởng từ ngày 01/01/2022 (được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

11. Mức hưởng từ ngày 01/7/2023 (được điều chỉnh theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

12. Mức hưởng từ ngày 01/7/2024 (được điều chỉnh theo Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

Nơi nhận trợ cấp:.....

Điều 3. Giám đốc Công an tỉnh/thành phố.....; Trưởng phòng Phòng Chính sách, Cục Tổ chức cán bộ và ông/bà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh (TP).....;
- Lưu: VT, P7.3b.

CỤC TRƯỞNG

BỘ CÔNG AN
CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /QĐ-X01

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg
ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

CỤC TRƯỞNG CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ

Căn cứ Thông tư số 31/2024/TT-BCA ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Tổ chức cán bộ;

Căn cứ Thông tư số 67/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ Công an quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

Theo đề nghị của Công an tỉnh/thành phố tại Công văn số ngày tháng năm và Trưởng phòng Phòng Chính sách, Cục Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với:

Ông/bà..... Sinh năm:.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Vào Công an nhân dân/ Quân đội nhân dân: ngày.....tháng.... năm.....

Thôi việc, xuất ngũ: ngày.....tháng.... năm.....

Đơn vị khi thôi việc, xuất ngũ:.....

Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ là: năm.....tháng.

Điều 2. Ông/bà..... được hưởng mức trợ cấp một lần như sau:
2.500.000 đồng + [(Số năm công tác được tính hưởng chế độ - 02 năm) x 800.000 đồng/năm)]

(Bằng chữ:)

Điều 3. Giám đốc Công an tỉnh/thành phố.....; Trưởng phòng Phòng Chính sách, Cục Tổ chức cán bộ và ông/bà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh (TP).....;
- Lưu: VT, P7.3b.

CỤC TRƯỞNG

Số : /GT-X01

Hà Nội, ngàytháng.....năm

GIẤY GIỚI THIỆU

**Chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg
ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh (thành phố).....

Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an giới thiệu

Ông/bà..... Sinh ngày.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương, có thời gian công tác được tính hưởng chế độ là:.....năm.....tháng. Mức trợ cấp hằng tháng như sau:

1. Mức hưởng từ ngày 01/5/2010 đến ngày 30/4/2011 (theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

2. Mức hưởng từ ngày 01/5/2011 đến ngày 30/4/2012 (được điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2012 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

3. Mức hưởng từ ngày 01/5/2012 đến ngày 30/06/2013 (được điều chỉnh theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

4. Mức hưởng từ ngày 01/7/2013 đến ngày 31/12/2014 (được điều chỉnh theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

5. Mức hưởng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 (được điều chỉnh theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

6. Mức hưởng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2017 (được điều chỉnh theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:)

7. Mức hưởng từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018 (được điều chỉnh theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ): đồng/tháng
(Bằng chữ:)

8. Mức hưởng từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/6/2019 (được điều chỉnh theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ): đồng/tháng
(Bằng chữ:)

9. Mức hưởng từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2021 (được điều chỉnh theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ): đồng/tháng
(Bằng chữ:)

10. Mức hưởng từ ngày ngày 01/01/2022 (được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ): đồng/tháng
(Bằng chữ:)

11. Mức hưởng từ ngày 01/7/2023 (được điều chỉnh theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ): đồng/tháng

12. Mức hưởng từ ngày 01/7/2024 (được điều chỉnh theo Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ): đồng/tháng

Hồ sơ kèm theo gồm:

- Bản khai cá nhân của ông/bà.....;
- Quyết định số...../QĐ- X01 ngày .../.../20... của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an.

Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an đề nghị Sở Nội vụ tỉnh (thành phố) tiếp nhận và chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng đối với ông/bàtheo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P7.

CỤC TRƯỞNG

.....(1) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GXN

....., ngày tháng năm 20.....

XÁC NHẬN

Thời gian công tác để xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Thông tư số 67/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ Công an quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

Căn cứ đề nghị của về việc xác nhận quá trình công tác của

Căn cứ hồ sơ và tài liệu lưu trữ tại đơn vị:.....(2)

..... xác nhận:

Ông/bà:.....Giới tính.....

Sinh ngày:...../...../.....; số CMND/CCCD:.....cấp ngày...../...../.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Ngày nhập ngũ hoặc vào CAND (hoặc thôi việc, xuất ngũ).....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
Tổng thời gian công tác là:.....năm.....tháng				

Quá trình công tác của ông/bà.....được thể hiện trong tài liệu, hồ sơ, gồm:(3) của đơn vị (có bản sao kèm theo)./.

CÁN BỘ LẬP GIẤY XÁC NHẬN

(chức danh, ký ghi rõ họ tên)

.....(4)

(ký tên, đóng dấu)

(1) Công an cấp tỉnh và tương đương trở lên;

(2) Công an đơn vị, địa phương xác nhận;

(3) Liệt kê tên loại tài liệu, hồ sơ lưu trữ;

(4) Họ tên, chức vụ người ký xác nhận

Mẫu số 08

.....(1) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM TRA XÁC MINH

(Chỉ dùng đối với các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6
Thông tư số 67/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ Công an)

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

1.Đ/c Chức vụ Cơ quan, đơn vị
2.Đ/c Chức vụ Cơ quan, đơn vị
3.Đ/c Chức vụ Cơ quan, đơn vị
4.Đ/c Chức vụ Cơ quan, đơn vị
5.Đ/c Chức vụ Cơ quan, đơn vị
6.Đ/c Chức vụ Cơ quan, đơn vị

Cùng tiến hành lập biên bản thẩm tra, xác minh về trường hợp:

Ông/bà: Năm sinh

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là đối tượng (hoặc thân nhân đối tượng) đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Nội dung thẩm tra, xác minh

Ông/bà: Nam/Nữ:

Sinh ngày:/...../.....; Số CMND/CCCD: cấp ngày...../...../.....

Quê quán:

Nơi thường trú:.....

Nhập ngũ hoặc tuyển dụng vào CAND (QĐND) ngày ... tháng năm

Thôi việc, xuất ngũ ngày.....tháng.....năm

Cấp bậc, chức vụ trước khi thôi việc, xuất ngũ:

Đơn vị công tác trước khi thôi việc xuất ngũ:

Lý do thôi việc, xuất ngũ:

Thời gian công tác:

Thời gian	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị công tác
Từ/.....-/.....		
Từ/.....-/.....		
Từ/.....-/.....		
Từ/.....-/.....		

Ông /bà..... cam kết đã cung cấp đầy đủ giấy tờ, tài liệu; khai báo trung thực đầy đủ; nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật với nội dung khai báo nêu trên.

Kết quả như sau:

Ông/bà: Nam/Nữ:

Sinh ngày:/...../.....; Số CMND/CCCD: cấp ngày...../...../.....

Nhập ngũ hoặc tuyển dụng vào CAND (QĐND) ngày ... tháng năm

Thôi việc, xuất ngũ ngày.....tháng.....năm

Cấp bậc, chức vụ trước khi thôi việc, xuất ngũ:

Đơn vị công tác trước khi thôi việc xuất ngũ:

Lý do thôi việc, xuất ngũ:

Tổng thời gian công tác thực tế trong Công an nhân dân được tính hưởng trợ cấp là: năm tháng.

Các giấy tờ, tài liệu chứng minh (kèm theo)

Biên bản lập xong vào hồi giờ cùng ngày, đã thông qua tất cả các thành phần tham dự nghe và thống nhất đề nghị (hoặc không đề nghị) giải quyết chế độ theo Quyết định 53/2010/QĐ-TTg đối với ông/bà

Đại diện lãnh đạo Công an cấp xã

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Cán bộ lập biên bản

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng chính sách cấp xã

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trưởng (thôn/xóm/tổ dân phố)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hưởng chế độ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cán bộ cùng công tác (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH (TP).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB- CAT(PX01)

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN

**Xét duyệt, đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định
số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ**
(Chỉ dùng đối với các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6
Thông tư số 67/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ Công an)

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Chúng tôi gồm:

1. Đ/c.....Giám đốc/ Phó giám đốc Công an (tỉnh, thành phố).....
2. Đ/c..... Trưởng phòng/ Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Công an
(tỉnh, thành phố).....
3. Đ/c.....Đội trưởng Đội....., Phòng Tổ chức cán bộ,
Công an (tỉnh, thành phố)
4. Đ/c.....Cán bộ thẩm định, đề xuất, Đội....., Phòng Tổ
chức cán bộ, Công an (tỉnh, thành phố).....

Đã họp xét duyệt hồ sơ, đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định
số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ đối với:

Ông/bà:..... Nam/Nữ:

Sinh ngày:...../...../.....;số CMND/CCCD:.....cấp ngày...../...../.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số...../2025/TT-BCA ngày...../...../2025 của
Bộ Công an quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an
nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong
Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương, xác định ông/bà:

.....
Là đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ, có thời gian công tác thực tế
trong Công an nhân dân từ thángnăm..... đến thángnăm..... đúng đối

tượng, đủ điều kiện được hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Nhập ngũ (hoặc vào CAND) ngày tháng năm
- Thôi việc, xuất ngũ ngày tháng năm
- Cấp bậc, chức vụ trước khi thôi việc, xuất ngũ.....

Tổng thời gian công tác được tính hưởng trợ cấp là:..... năm..... tháng

Các giấy tờ, tài liệu chứng minh làm căn cứ xét duyệt hồ sơ (kèm theo) gồm:

.....
Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp theo quy định hiện hành./.

**ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO PHÒNG
TỔ CHỨC CÁN BỘ**
(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO ĐỘI
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH ĐỀ XUẤT
(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên)